

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 53, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoa Anh	1	39	8.0	Tám	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	2	40	8.0	Tám	
3	Bùi Thị Thanh Bình	3	31	8.0	Tám	
4	Hoàng Văn Biên	4	55	7.0	Bảy	
5	Lê Thị Cát	5	05	7.0	Bảy	
6	Đoàn Thị Chiên	6	50	7.5	Bảy rưỡi	
7	Phạm Thị Bích Diệp	7	37	7.5	Bảy rưỡi	
8	Lê Thị Dung	8	64	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Văn Dũng	9	38	8.0	Tám	
10	Đoàn Xuân Dương	10	16	8.0	Tám	
11	Đặng Khánh Duy	11	-	-	-	Vắng thi
12	Hà Thị Bích Đào	12	53	8.0	Tám	
13	Phùng Thị Hà	13	36	7.5	Bảy rưỡi	
14	Phạm Thị Hà	14	62	7.5	Bảy rưỡi	
15	Vũ Ngọc Hà	15	03	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thị Hạnh	16	46	8.0	Tám	
17	Tổng Thị Hằng	17	56	7.0	Bảy	
18	Nguyễn Thu Hiền	18	51	8.0	Tám	
19	Dương Văn Hiệp	19	17	8.0	Tám	
20	Trương Thúy Hồng	20	07	8.0	Tám	
21	Trần Văn Hồng	21	15	8.0	Tám	
22	Lê Thị Huế	22	-	-	-	Vắng thi



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Cù Xuân Hùng	23	12	7.5	Bảy rưỡi	
24	Đỗ Thị Thanh Hương	24	67	8.0	Tám	
25	Hoàng Quốc Huy	25	49	7.0	Bảy	
26	Đinh Quang Huy	26	47	7.0	Bảy	
27	Trần Thị Huyền	27	45	7.0	Bảy	
28	Nguyễn Thị Thu Huyền	28	48	8.0	Tám	
29	Phạm Thị Thanh Huyền	29	57	8.0	Tám	
30	Vũ Hồng Kiên	30	08	7.5	Bảy rưỡi	
31	Hoàng Ngọc Linh	31	35	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thái Linh	32	52	8.0	Tám	
33	Nguyễn Thị Bích Loan	33	60	8.0	Tám	
34	Nguyễn Thị Mai	34	68	7.5	Bảy rưỡi	
35	Phạm Văn Nam	35	43	7.0	Bảy	
6	Đinh Thị Thu Nga	36	21	8.0	Tám	
37	Trần Văn Nguyên	37	54	6.5	Sáu rưỡi	
38	Phạm Thị Nhung	38	27	8.0	Tám	
39	Trần Thị Kim Oanh	39	42	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Thị Kim Oanh	40	58	8.0	Tám	
41	Trịnh Thị Lan Phương	41	70	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Quốc Phương	42	63	7.0	Bảy	
43	Nguyễn Thị Ngọc Phương	43	66	7.5	Bảy rưỡi	
44	Phạm Văn Quý	44	20	7.0	Bảy	
45	Bàn Thị Lệ Quyên	45	04	7.5	Bảy rưỡi	
46	Trương Công Quyết	46	25	7.0	Bảy	
47	Bùi Xuân Sơn	47	65	6.5	Sáu rưỡi	
48	Dương Văn Song	48	14	7.0	Bảy	
49	Nguyễn Tá Tâm	49	13	6.5	Sáu rưỡi	
50	Trương Văn Thái	50	24	7.0	Bảy	
51	Nông Văn Thắng	51	06	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Trần Mạnh Thắng	52	30	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Văn Thắng	53	29	7.5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Thị Thành	54	44	7.0	Bảy	
55	Nguyễn Xuân Thi	55	22	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thịnh	56	23	7.5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Kiến Thọ	57	-	-	-	Vắng thi
58	Lê Hoài Thu	58	34	8.0	Tám	
59	Triệu Thị Thương	59	61	7.0	Bảy	
60	Đoàn Thị Thu Thủy	60	59	7.5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Phương Thủy	61	41	8.0	Tám	
62	Ngô Thu Thủy	62	28	8.0	Tám	
63	Nguyễn Thị Trang	63	10	8.0	Tám	
64	Phạm Thị Thủy Triều	64	26	8.0	Tám	
65	Nguyễn Văn Trọng	65	11	7.0	Bảy	
66	Lê Văn Trọng	66	02	7.0	Bảy	
67	Lý Hoàng Tú	67	18	7.5	Bảy rưỡi	
68	Lê Minh Tú	68	19	7.0	Bảy	
69	Nông Thanh Tùng	69	01	7.0	Bảy	
70	Nguyễn Văn Tuyển	70	33	7.0	Bảy	
71	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	71	69	7.5	Bảy rưỡi	
72	Lê Thị Hải Yến	72	32	8.0	Tám	
73	Đoàn Thị Hải Yến	73	09	8.0	Tám	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**

Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên